

Số: /QĐ - UBND

Phú Thọ, ngày tháng 12 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 206/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/NQ-UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1676/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Phú Thọ năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/Qh15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

*Căn cứ Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04 tháng 05 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 1648/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hòa Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030; Kết luận số 93-KL/TU ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;*

*Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

Theo đề nghị của Sở Tài chính (cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh) tại Tờ trình số 591/TTr-STC ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với một số nội dung chủ yếu như sau:

### **I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH**

Bao gồm toàn bộ tỉnh Phú Thọ với tổng diện tích tự nhiên là 9.346,7 km<sup>2</sup>, 148 đơn vị hành chính cấp xã. Ranh giới tọa độ địa lý nằm trong khoảng từ 20°55' đến 21°43' vĩ độ Bắc và từ 104°48' đến 105°27' kinh độ Đông. Phía Bắc giáp tỉnh Tuyên Quang và Lào Cai; Phía Đông giáp tỉnh Thái Nguyên và Thủ đô Hà Nội; Phía Tây giáp tỉnh Sơn La; Phía Nam giáp Thủ đô Hà Nội, tỉnh Ninh Bình và tỉnh Thanh Hóa.

### **II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN, CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN**

#### **1. Quan điểm phát triển**

a) Phát triển tỉnh Phú Thọ phù hợp với tầm nhìn, định hướng phát triển đất nước; Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng; các quyết sách lớn, chiến

lược của Trung ương; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 của cả nước; Quy hoạch tổng thể quốc gia, các Quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch vùng Trung du và Miền núi phía Bắc thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

b) Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế, yếu tố địa kinh tế và không gian phát triển mới để xác định các phân vùng phát triển, trực phát triển kinh tế và trụ cột tăng trưởng của tỉnh phù hợp, hài hòa, có sự liên kết chặt chẽ giữa các vùng trong tỉnh và với các địa phương trong vùng Trung du và Miền núi phía Bắc, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Thủ đô và vùng Bắc Trung Bộ.

c) Đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu; lấy phát triển để ổn định, ổn định để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững; hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, gắn với tiến bộ và công bằng xã hội, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng trong tỉnh; mang lại lợi ích, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

d) Tổ chức, sắp xếp không gian phát triển của tỉnh Phú Thọ đảm bảo có tính kế thừa, thống nhất, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế và điều kiện phát triển địa phương theo hướng: Ba hành lang – Một vành đai – Năm trục động lực. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại có sức lan tỏa lớn, kết nối các không gian phát triển mới, kết nối liên vùng, liên tỉnh và các hành lang kinh tế quan trọng của vùng, quốc gia.

đ) Khơi dậy và phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Đất Tổ. Lấy văn hóa là động lực và trụ cột để phát triển công nghiệp văn hóa đậm đà bản sắc Phú Thọ và đặc biệt nhất của Việt Nam, đặc biệt là phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc, tiêu biểu: "Văn hóa Muồng" và "Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương". Coi con người là trung tâm để khơi dậy và phát huy mạnh mẽ truyền thống, sự năng động và khát vọng đổi mới, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, vượt lên mạnh mẽ của con người Phú Thọ; lấy đầu tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển giáo dục và đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao làm nền tảng cho phát triển bền vững và thực hiện khát vọng vươn lên của nhân dân tỉnh Phú Thọ.

e) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Phát huy vai trò nòng cốt trong khu vực phòng thủ trên địa bàn Quân khu 2. Thực hiện tốt vai trò đảm bảo an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng của vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Trung du miền núi phía Bắc. Chủ động mở rộng hội nhập và hợp tác quốc tế để khai thác hiệu quả mọi tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

## **2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030**

### **a) Mục tiêu tổng quát**

Đến năm 2030, Phú Thọ là một trong những cực tăng trưởng của vùng Thủ đô và vùng Trung du miền núi phía Bắc; trở thành trung tâm phát triển công nghiệp, thương mại, logistics, du lịch, y tế, đào tạo chất lượng cao và tổ chức lễ hội văn hóa lớn gắn với cội nguồn dân tộc; trung tâm tổ chức các sự kiện quốc gia, quốc tế. Kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao, lấy khoa học công nghệ, đổi mới

sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế tư nhân làm động lực chính. Hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Di sản văn hóa được bảo tồn và phát huy giá trị. Xã hội phát triển hài hòa, môi trường sinh thái trong lành, chất lượng cuộc sống được nâng lên toàn diện, nhân dân có thu nhập cao, văn minh, hạnh phúc. Quốc phòng, an ninh được củng cố, giữ vững; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; giữ vai trò trụ cột trong bảo đảm an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng của vùng. Phú Thọ trở thành tỉnh phát triển khá và là nơi đáng sống của Khu vực Trung du và miền núi phía Bắc.

#### b) Mục tiêu cụ thể

##### - Về kinh tế

+ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 phấn đấu đạt khoảng 11 - 12%/năm; quy mô tổng sản phẩm (GRDP) phấn đấu cao gấp hơn 2 lần so với năm 2025; GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt khoảng 220 - 230 triệu đồng.

+ Tỷ trọng trong GRDP của khu vực dịch vụ đạt khoảng 36,3%; công nghiệp - xây dựng khoảng 55,4%; nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 8,3%; kinh tế số đạt trên 30% GRDP;

+ Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt trên 12%/năm. Đóng góp năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng 55 - 60%.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt 35-40%. Hoàn thành chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao theo Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội”.

+ Thu ngân sách nhà nước tăng bình quân trên 10%/năm, đến năm 2030 phấn đấu đạt trên 85.000 tỷ đồng.

##### - Về xã hội

+ Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,78; chỉ số phát triển và hạnh phúc (VDHI) đạt tối thiểu 85 điểm, thuộc ngưỡng tỉnh phát triển khá cao và hạnh phúc; tuổi thọ bình quân đạt 76 tuổi

+ Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia đạt trên 95%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80 - 85%. Tỷ lệ thất nghiệp từ 0,9 - 1,1%. Thu nhập bình quân đầu người trên 8,7 triệu đồng/tháng.

+ Số bác sĩ/vận dân phấn đấu đạt 19 bác sĩ; số giường bệnh/vận dân đạt 50 giường bệnh. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế phấn đấu đạt 100%.

+ Đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025).

+ Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới phấn đấu đạt trên 85%.

##### - Về bảo vệ môi trường

+ Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung phấn đấu đạt 100%. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn phấn đấu đạt trên 95%.

+ Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn ở khu vực đô thị đạt 100% và ở khu vực nông thôn đạt trên 85%.

+ Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

+ Tỷ lệ chất thải nguy hại và tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%.

+ Tỷ lệ che phủ rừng duy trì mức 42,5%.

- Về quốc phòng - an ninh

Đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh; ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

### **3. Tầm nhìn tới năm 2050**

Đến năm 2050, Phú Thọ phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, có trình độ phát triển thuộc nhóm địa phương dẫn đầu cả nước, là trung tâm công nghiệp - thương mại - logistics hiện đại của khu vực, nền kinh tế hội nhập sâu rộng vào chuỗi cung ứng toàn cầu; có hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, xã hội phồn vinh, thịnh vượng, người dân có chất lượng cuộc sống cao, hạnh phúc; công nghiệp văn hóa trở thành một trụ cột kinh tế quan trọng mới dựa trên nền văn hóa Đất Tổ giàu bản sắc và duy nhất được bảo tồn và khai thác hiệu quả; là thành phố xanh-sạch-đẹp với môi trường sinh thái trong lành, các tiện ích đẳng cấp, đáng sống; quốc phòng, an ninh được giữ vững, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

### **4. Các đột phá phát triển và các nhiệm vụ trọng tâm**

a) Các đột phá phát triển

- Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, có tầm nhìn dài hạn và kết nối tốt trong và ngoài tỉnh, trọng tâm là phát triển nhanh hạ tầng số; hạ tầng các khu công nghiệp hướng tới mô hình khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp công nghệ cao; hạ tầng logistics để hình thành các trung tâm logistics đa phương thức, khu thương mại tự do (FTZ); hạ tầng giao thông kết nối nội vùng, liên vùng, hạ tầng đường sắt hiện đại, giao thông công cộng (TOD) gắn với hạ tầng ngầm, các tổ hợp đô thị hai bên sông Lô, sông Hồng, sông Đà và phát triển hạ tầng đô thị mới.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa, giảm chi phí thực thi; đồng thời tháo gỡ triệt để nút thắt trong công tác giải phóng mặt bằng.

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tiên phong trong ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Chú trọng phát triển nhân lực đáp ứng yêu cầu của kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và các ngành mới như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, vi mạch bán dẫn. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ các cấp bản lĩnh, trí tuệ, nhiệt huyết, có trách nhiệm, vì Nhân dân phục vụ và luôn phát huy tinh thần “dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm”.

b) Các nhiệm vụ trọng tâm

- Định hình không gian phát triển đô thị theo hướng mở, gắn với xây dựng

các trục cảnh quan, công trình kiến trúc đặc sắc và tăng cường kết nối với các đô thị lớn. Mở rộng vùng lõi đô thị trung tâm tỉnh; quy hoạch, phát triển các đô thị lớn hai bên sông Lô, sông Hồng, sông Đà và hai bên tuyến đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đường sắt Lào Cai - Hà Nội qua địa bàn tỉnh; hình thành công trình biểu tượng tầm quốc gia trên cơ sở xây dựng “Quần thể văn hóa, tâm linh trở về cội nguồn dân tộc Việt Nam”.

- Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng trên nền tảng ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số và phát triển kinh tế tư nhân. Thu hút đầu tư có chọn lọc vào các ngành vi mạch, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao. Xây dựng hạ tầng vận tải đa phương thức, cảng cạn thông minh kết nối quốc gia. Nghiên cứu hình thành Khu thương mại tự do tạo cụm liên kết “sản xuất - logistics - thương mại” hoàn chỉnh.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Xây dựng hạ tầng kết nối vùng, phát triển các trục giao thông huyết mạch kết nối trực tiếp các khu công nghiệp, đô thị, khu logistics, trung tâm tỉnh với hệ thống cao tốc và các cảng biển phía Bắc. Xây dựng hạ tầng số và dữ liệu số phục vụ phát triển chính quyền số của tỉnh.

- Có cơ chế chính sách khuyến khích, thu hút, đào tạo và nâng cao nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và các ngành kinh tế mới. Xây dựng các chính sách thu hút, đãi ngộ vượt trội cho chuyên gia đầu ngành, các nhà khoa học trẻ về làm việc tại địa phương.

- Phát triển văn hóa, nguồn lực con người thực sự trở thành nền tảng, sức mạnh nội sinh, động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; đưa công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa trở thành ngành kinh tế có thế mạnh của tỉnh. Quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, thực hiện tăng trưởng xanh, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai.

### **III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI**

#### **1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng**

##### **a) Phương hướng phát triển ngành công nghiệp**

- Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, theo cả chiều rộng và chiều sâu; tạo bước đột phá trong nâng cao năng suất, chất lượng, gắn với mục tiêu đảm bảo các điều kiện về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Trên cơ sở các ngành công nghiệp đã hình thành, đẩy mạnh liên kết hợp tác giữa các địa phương để hướng tới mục tiêu xây dựng tỉnh Phú Thọ trở thành một trong những trung tâm công nghiệp lớn nhất của cả nước về công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp điện tử, ô tô - xe máy;... đón đầu các xu hướng công nghệ mới và làn sóng đầu tư mới như: trí tuệ nhân tạo (AI), kinh tế tầm thấp, y dược, chuyển đổi năng lượng.

- Định hướng phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu như:

+ Sản xuất các sản phẩm điện tử, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, ưu tiên thu

hút các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ đáp ứng các ngành có thế mạnh của tỉnh;

+ Cơ khí chế tạo, lắp ráp và sản xuất kim loại trở thành ngành công nghiệp nền tảng. Tiếp tục phát triển các dòng sản phẩm ô tô cao cấp, mô tô và sản xuất các linh kiện phụ tùng phục vụ trong nước và xuất khẩu. Khuyến khích phát triển sản phẩm cơ khí chế tạo phục vụ công nghiệp, nông nghiệp.

+ Thu hút đầu tư và tạo điều kiện phát triển các dự án chế biến thịt các loại (bò, lợn, gà và gia cầm các loại) và các sản phẩm sữa gắn với việc phát triển ngành chăn nuôi bò, lợn thịt ở các khu vực có lợi thế, đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn của các nhà đầu tư chế biến thực phẩm.

+ Phát triển chế biến nông, lâm sản, sản xuất dược phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng mới chất lượng cao, thân thiện môi trường.

#### b) Phương hướng phát triển ngành dịch vụ

- Phát triển các ngành dịch vụ nhanh, hiệu quả, bền vững, đảm bảo các dịch vụ cơ bản với chất lượng ngày càng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao tỷ trọng các sản phẩm dịch vụ chất lượng và giá trị gia tăng cao.

- Phát triển du lịch Phú Thọ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh theo hướng “Dịch vụ chất lượng - Sản phẩm khác biệt - Hiệu quả bền vững”. Phát triển du lịch trên nền tảng phát huy sức mạnh văn hoá và con người Đất Tổ, gắn với bảo tồn và lan tỏa các giá trị văn hoá truyền thống đưa Phú Thọ trở thành điểm đến hàng đầu về du lịch nghỉ dưỡng, du lịch lễ hội có thương hiệu, có năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế; đầu tư khai thác hiệu quả các sân golf, dịch vụ thể thao, giải trí; đặc biệt là Khu du lịch quốc gia Tam Đảo; Khu du lịch Đền Hùng; khu du lịch Hồ Hòa Bình và các khu du lịch quốc gia.

- Ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ vận tải, kho bãi, logistics hiện đại, trở thành một trong các ngành dịch vụ chủ lực, đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu thụ hàng hóa nội tỉnh, Vùng Trung du miền núi phía Bắc và cả nước. Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, các dịch vụ đem lại từ kinh tế đô thị theo hướng đổi mới quy trình, thủ tục và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; đa dạng hóa các loại hình khám, chữa bệnh.

#### c) Phương hướng phát triển ngành nông, lâm, thủy sản

- Phát triển ngành kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng “Nông nghiệp sinh thái - thông minh”, hiệu quả cao, bền vững trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao, tuần hoàn, hữu cơ và chuỗi giá trị. Tập trung phát triển các vùng chuyên canh hàng hóa lớn, chất lượng cao; chú trọng xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông sản đặc hữu cho vùng, địa phương. Thúc đẩy chuyên đổi số, ứng dụng nền tảng số và dữ liệu số trong phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Phát triển các cây trồng (chè, bưởi, cam, chuối, lúa, ...) có lợi thế so sánh, có nhu cầu lớn, phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn trên cơ sở phát huy lợi thế vùng, miền; gắn với bảo quản, chế biến, xây dựng thương hiệu, tiêu thụ theo chuỗi giá trị và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển chăn nuôi theo hướng hình thành vùng sản xuất tập trung, hiện

đại, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; tập trung phát triển những loại vật nuôi chủ lực, có lợi thế theo hướng trang trại công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao; đồng thời đẩy mạnh chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi truyền thống theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, an toàn. Phát triển chăn nuôi gắn với bảo vệ môi trường.

- Phát triển sản xuất thủy sản phù hợp với Chiến lược phát triển thủy sản của cả nước; phát triển thành ngành kinh tế gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hình thức thâm canh, công nghệ cao với các đối tượng chủ lực có giá trị kinh tế cao; đa dạng đối tượng và hình thức nuôi phù hợp với từng vùng, hình thành các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung quy mô lớn, hướng sản xuất hàng hóa, đặc sản gắn với bảo vệ nguồn nước và kết hợp với du lịch sinh thái.

- Quản lý, khai thác có hiệu quả, bền vững diện tích rừng hiện có; sử dụng dịch vụ môi trường rừng kết hợp phát triển du lịch sinh thái. Tổ chức liên kết theo chuỗi từ bảo vệ, trồng rừng, sử dụng đến chế biến lâm sản, trồng dược liệu để nâng cao giá trị rừng, tham gia thị trường tín chỉ carbon, tạo nguồn thu ổn định cho cộng đồng địa phương và gia tăng giá trị kinh tế cho sản phẩm nông, lâm nghiệp, gắn phát triển lâm nghiệp với du lịch sinh thái, kinh tế xanh, kinh tế dưới tán rừng.

## **2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác**

### **a) Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

- Tập trung phát triển và nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh, đưa Phú Thọ vào nhóm địa phương tiên phong, dẫn đầu cả nước về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Ưu tiên nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; chú trọng đầu tư cho các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn: trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, công nghệ sinh học, vật liệu mới, dữ liệu lớn, tự động hóa và chuyển đổi số.

- Phát triển thị trường khoa học và công nghệ theo hướng đồng bộ, minh bạch, gắn kết hoạt động nghiên cứu với đổi mới công nghệ và thương mại hóa sản phẩm. Hình thành và phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận nguồn cung - cầu công nghệ trong nước và quốc tế.

- Chú trọng phát triển đội ngũ nhân lực khoa học công nghệ chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; có cơ chế, chính sách thu hút nhân tài và chuyên gia trong và ngoài nước, đồng thời thúc đẩy hợp tác quốc tế trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

### **b) Văn hóa, thể thao**

- Xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc văn hóa vùng đất Tổ. Đưa tỉnh Phú Thọ trở thành trung tâm văn hóa về cội nguồn của cả nước với các trọng tâm là Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, văn hóa Mường, tín ngưỡng thờ Mẫu Tây Thiên, tín ngưỡng thờ Tản viên Sơn Thánh. Chú trọng bảo tồn, tôn tạo và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa, di sản văn hoá phi vật thể; các công trình có giá trị tiêu biểu, có ý nghĩa chính trị, văn hóa, lịch sử, truyền thống đặc sắc trên

địa bàn tỉnh, phục hồi, tu bổ, tôn tạo các di tích được xếp hạng gắn với phát triển du lịch.

- Đẩy mạnh xã hội hóa và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa nghệ thuật. Thúc đẩy hình thành một số ngành công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa có tiềm năng, lợi thế và từng bước nâng cao tỷ trọng phát triển ngành công nghiệp văn hóa trong phát triển kinh tế của tỉnh.

- Phát triển thể dục – thể thao theo hướng toàn diện và bền vững. Thúc đẩy phát triển thể thao giải trí và thể thao gắn với dịch vụ du lịch, tạo ra các sản phẩm hấp dẫn, tăng sức cạnh tranh và đóng góp thiết thực vào phát triển kinh tế – xã hội. Phần đầu tỉnh Phú Thọ trở thành trung tâm thể dục - thể thao của vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước. Hình thành Khu liên hợp thể dục thể thao tầm cỡ quốc gia, đủ điều kiện tổ chức giải đấu chuyên nghiệp trong nước và khu vực. Khai thác hiệu quả các thiết chế thể thao, đồng thời khuyến khích xã hội hóa đầu tư thể thao, thành lập các học viện và trung tâm đào tạo tài năng thể thao, nhất là cho thanh thiếu nhi.

### c) Giáo dục - đào tạo và giáo dục nghề nghiệp

- Tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông đảm bảo đủ trường lớp và trang thiết bị dạy học, đáp ứng yêu cầu phổ cập giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông. Khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập ở những địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội phát triển. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên theo hướng giáo dục mở. Phát triển hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, bảo đảm đủ năng lực, quy mô; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục.

- Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Ứng dụng thành quả của cách mạng công nghệ lần thứ tư, trí tuệ nhân tạo (AI) để đổi mới mạnh mẽ phương thức dạy và học, quản lý và quản trị nhà trường, phát triển các hệ thống giáo dục thông minh, xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số; nâng cao chất lượng ngoại ngữ, tin học, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Mở rộng hợp tác, giao lưu giáo dục với các địa phương trong nước và các nền giáo dục tiên tiến; từng bước khẳng định vị thế trung tâm giáo dục và đào tạo chất lượng cao của vùng Trung du và miền núi phía Bắc; duy trì vị trí của tỉnh trong nhóm địa phương dẫn đầu cả nước về kết quả giáo dục và đào tạo; từng bước tiệm cận chuẩn khu vực châu Á về chất lượng giáo dục ở một số lĩnh vực, ngành học mũi nhọn.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo giáo dục nghề nghiệp, nhất là đào tạo theo hướng ứng dụng, thực hành. Xây dựng chương trình đào tạo phù hợp trên cơ sở các tiêu chuẩn nghề quốc gia và khu vực, bám sát yêu cầu của thị trường lao động, phù hợp với kỹ thuật, công nghệ mới, trình độ quản lý; bảo đảm liên thông giữa các trình độ đào tạo. Chú trọng các ngành nghề đào tạo: công nghiệp công

nghệ cao, công nghệ bán dẫn, cơ khí chế tạo, cơ khí chính xác, công nghệ thông tin, thương mại, dịch vụ, du lịch.

- Phát triển nguồn nhân lực có trọng tâm, bảo đảm hài hòa cơ cấu và cân đối nhân lực theo ngành, lĩnh vực; thúc đẩy phân bổ, dịch chuyển lao động hợp lý gắn với các vùng động lực, cực tăng trưởng và hệ thống đô thị – công nghiệp – dịch vụ.

- Phát triển Đại học Hùng Vương theo mô hình đại học đa ngành, đa lĩnh vực, là trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ của vùng, trở thành nòng cốt cho đào tạo từ bậc đại học trở lên.

#### d) Y tế và chăm sóc sức khỏe

- Phát triển hệ thống y tế tỉnh Phú Thọ theo hướng hiện đại và bền vững đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân; tập trung nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, kiểm soát tốt dịch bệnh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của mạng lưới cung ứng dịch vụ y tế từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở để đáp ứng với sự thay đổi mô hình bệnh tật và bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân; thu hẹp khoảng cách về các chỉ số sức khỏe, y tế giữa các địa bàn, các nhóm dân tộc. Phát triển dịch vụ y tế kỹ thuật cao; phát triển và hình thành các bệnh viện đảm nhận chức năng vùng Trung du và miền núi phía Bắc trên cơ sở nâng hạng từ các bệnh viện/cơ sở y tế hiện có; đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực hoạt động của ngành y tế, hình thành nền y tế thông minh.

- Củng cố, hoàn thiện và phát triển hệ thống các bệnh viện, cơ sở y tế chất lượng; nâng cao hiệu quả hoạt động của các trạm y tế cấp xã; tiếp tục triển khai hiệu quả mô hình bệnh viện vệ tinh, giảm tải cho bệnh viện tuyến trên. Xây dựng hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật đồng bộ, có đủ năng lực dự báo và kiểm soát bệnh tật, đảm bảo tiếp cận cho mọi người dân. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực y tế về số lượng và chất lượng. Phát triển hệ thống y tế ngoài công lập trên cơ sở phát huy nội lực, lợi thế và phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực lân cận.

- Nâng cao dinh dưỡng và tầm vóc người dân. Phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hoá dân số.

- Phát triển vùng dược liệu, đầu tư phát triển nhà máy sơ chế nguyên dược liệu, cung cấp cho các công ty, bệnh viện bào chế dược liệu, tạo thành chuỗi liên kết trong phát triển công nghiệp dược liệu tại địa phương trên cơ sở liên kết với các hợp tác xã.

#### e) An sinh xã hội

Bảo đảm an sinh theo hướng bao trùm, công bằng và bền vững, lấy người dân làm trung tâm. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công với cách mạng, giảm nghèo bền vững; phòng, chống các tệ nạn xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em, ưu tiên trợ giúp trẻ em đặc biệt khó khăn để hòa nhập cộng đồng.

Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động trợ giúp xã hội; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền phòng, chống mại dâm, mua

bán người, ma túy; thực hiện tốt các chính sách chăm sóc, bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới ở các cấp.

### **3. Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội**

#### a) 04 vùng kinh tế - xã hội

- Vùng đô thị Phú Thọ - Việt Trì - Vĩnh Yên - Phúc Yên (cũ), nằm dọc hành lang kinh tế động lực Nội Bài - Lào Cai - Hải Phòng và các tuyến giao thông chiến lược như cao tốc Nội Bài - Lào Cai, quốc lộ 2, đường sắt Hà Nội - Lào Cai, đường sắt cao tốc Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng: Định hướng trở thành vùng đô thị - công nghiệp - dịch vụ tổng hợp cấp vùng và quốc gia, giữ vai trò là hạt nhân dẫn dắt tăng trưởng cho tỉnh Phú Thọ, vùng Tây Bắc và phía tây vùng Thủ đô. Định hướng đến năm 2030 trở thành một vùng đô thị trung tâm của tỉnh.

- Vùng Đông Bắc tỉnh, Đoan Hùng - Phù Ninh - Thanh Ba (cũ), nằm trên trục sông Lô - sông Hồng - quốc lộ 2, gần điểm giao giữa hành lang Lào Cai - Hà Nội và Đường Hồ Chí Minh: Định hướng là vùng công nghiệp chế biến - chế tạo, logistics đường sông và đô thị vệ tinh, đóng vai trò hỗ trợ vùng đô thị trung tâm và kết nối với các tỉnh Tuyên Quang, Lào Cai.

- Vùng đô thị Hoà Bình - Lương Sơn (cũ): Định hướng phát triển thành trung tâm công nghiệp năng lượng, các dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng gắn với thiên nhiên và văn hoá của tỉnh; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp du lịch sinh thái, phát triển công nghiệp sạch.

- Vùng tây Phú Thọ và Hoà Bình (cũ): Định hướng phát triển công nghiệp năng lượng (thủy điện nhỏ, điện gió), một số cụm công nghiệp chế biến khoáng sản, nông lâm sản và logistics, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và trở thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng mới của tỉnh và vùng, phát triển một số điểm du lịch cộng đồng đặc trưng văn hoá Mường, Thái.

#### b) 03 hành lang kinh tế

- Hành lang kinh tế động lực: Lấy khu vực trung tâm Việt Trì - Vĩnh yên (cũ) là trọng tâm để lan toả; định hướng phát triển đô thị tài chính, thương mại - dịch vụ phía Tây Thủ đô, trung tâm chính trị hành chính tỉnh, đầu mối liên kết các vùng đô thị mới, trung tâm lễ hội lan tỏa giá trị di sản, công nghiệp công nghệ cao. Giữ vai trò kết nối trực tiếp với các hành lang tạo trục đô thị - công nghiệp liên hoàn của tỉnh với vùng Trung du và miền núi phía Bắc và vùng Đồng bằng sông Hồng.

- Hành lang kinh tế Bắc - Nam: Lấy khu vực trung tâm Hòa Bình - Lương Sơn cũ - Hồ Sông Đà và Khu vực Nam Hòa Bình cũ (Tân Lạc, Lạc Sơn, Yên Thủy) làm tâm điểm; định hướng phát triển thành trung tâm đô thị sinh thái, phát triển dịch vụ thương mại, logistics, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa Mường, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp điện, công nghiệp chế biến. Giữ vai trò cửa ngõ chiến lược phía Nam, kết nối Hà Nội - Phú Thọ - Tây Bắc.

- Hành lang kinh tế Đông-Tây bao gồm các khu vực Nam Vĩnh Phúc cũ (Phúc Yên - Bình Xuyên- Tam Dương- Yên Lạc cũ), khu vực dọc dãy núi Tam Đảo (Tam Đảo và khu vực phía Bắc Bình Xuyên- Phúc Yên cũ) và khu vực Phú Thọ - Đoan Hùng (cũ); định hướng phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp điện tử, công nghiệp ô tô xe máy, logistics, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng,

đô thị cửa ngõ, nông nghiệp hữu cơ, cây dược liệu; là trung tâm liên kết phát triển du lịch Tuyên Quang - Lào Cai. Giữ vai trò là cực tăng trưởng đầu tàu công nghiệp – đô thị – dịch vụ, trung tâm du lịch chủ đạo phía Bắc.

c) 01 vành đai sinh thái

Hình thành từ khu vực dãy núi và rừng phòng hộ ven sông Đà và dọc ranh giới phía Tây của tỉnh. Giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo vệ môi trường và phát triển sinh thái, nhằm cân bằng sự phát triển tổng thể của tỉnh. Phát triển các ngành kinh tế gắn liền với bảo tồn và khai thác bền vững tài nguyên, bao gồm: du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao; chế biến nông lâm sản; kinh tế lâm nghiệp.

d) 05 trục phát triển

- Trục kinh tế phía Bắc: thuộc hành lang kinh tế động lực Lào Cai – Hà Nội – Hải Phòng, gắn với tuyến giao thông cao tốc Nội Bài – Lào Cai và Quốc lộ 2. Vùng dọc trục phía Bắc bao gồm khu vực Việt Trì (cũ) mở rộng lên phía bắc, các khu vực ven sông Lô, sông Hồng thuộc Phú Thọ (cũ) và một phần Vĩnh Phúc (cũ) gồm khu vực Phúc Yên, phía bắc khu vực Vĩnh Yên. Định hướng phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, cơ khí, điện tử, gắn với trung tâm đô thị Việt Trì và vùng phụ cận, đồng thời hình thành hành lang đô thị – dịch vụ dọc tuyến cao tốc và đường sắt Hà Nội - Lào Cai. Đây sẽ là trục động lực số 1 của tỉnh, kết nối trực tiếp tỉnh với Thủ đô và vùng kinh tế ven biển.

- Trục kinh tế trung tâm: hình thành theo hướng Bắc – Nam, kết nối từ Tuyên Quang qua Việt Trì (cũ) sang Hòa Bình (cũ) và tiếp đến Thanh Hóa; trục trung tâm đi theo tuyến đường Hồ Chí Minh (mở rộng) và các tuyến Quốc lộ 32, 32B, 32C, 21, 70B,... Định hướng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, kết hợp với công nghiệp chế biến nông – lâm sản.

- Trục kinh tế phía Đông: Bao gồm khu vực Vĩnh Phúc (cũ) và Đông Nam Phú Thọ (cũ), gắn với Quốc lộ 2C, đường Vành đai 5 vùng Thủ đô và các tuyến cao tốc hướng tây Hà Nội, kết nối khu vực cửa ngõ Thủ đô với tỉnh, định hướng phát triển một số trung tâm logistics liên vùng (gần cao tốc và Vành đai 5) cũng như hình thành khu đô thị khoa học – giáo dục, tạo động lực thu hút nhân lực chất lượng cao.

- Trục kinh tế phía Nam: Gắn với hành lang kinh tế Điện Biên – Sơn La – Hòa Bình – Hà Nội (tương ứng với tuyến quốc lộ 6 và cao tốc Hòa Bình – Mộc Châu); có vai trò thúc đẩy phát triển cho khu vực miền núi của tỉnh. Định hướng hình thành một số cụm công nghiệp chế biến nông sản, lâm sản, đồng thời phát triển các khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng chất lượng cao. Khu vực Hòa Bình (cũ) sẽ là đô thị hạt nhân với vai trò cửa ngõ Tây Bắc kết nối vào Thủ đô.

- Trục kinh tế sinh thái: Hình thành theo hướng Tây – Đông của tỉnh, kết nối dọc hành lang sông Đà từ khu vực Hòa Bình (cũ) sang Việt Trì (cũ). Trục sinh thái gắn liền với vành đai sinh thái của tỉnh. Định hướng phát triển các hoạt động du lịch sinh thái, văn hóa và năng lượng tái tạo, bảo tồn tài nguyên rừng, tài nguyên nước. Trục có chức năng hỗ trợ, bổ sung cho các trục kinh tế khác, đảm bảo sự cân bằng sinh thái và đa dạng hóa nền kinh tế.

#### **4. Định hướng các khu vực bảo tồn, hạn chế khai thác phát triển**

- Hạn chế phát triển các khu công nghiệp, đô thị lớn và các hoạt động khai

thác tài nguyên rừng quá mức tại vùng núi cao, miền núi, sườn đồi dốc lớn và các vùng có nguy cơ thiên tai cao như sạt lở, lũ lụt hay lũ quét. Diễn hình là các xã miền núi phía Tây và Tây nam thuộc Phú Thọ (cũ) và Hòa Bình (cũ).

- Đối với các khu vực có tiềm năng sinh thái và văn hóa độc đáo, tập trung bảo vệ tài nguyên, khai thác sinh kế bền vững, phát triển nông – lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, du lịch cộng đồng và dịch vụ sinh thái; hạn chế mở rộng đô thị hoá hoặc phát triển công nghiệp nặng.

#### **IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN**

##### **1. Phương án phát triển hệ thống đô thị**

- Tỉnh Phú Thọ phấn đấu trở thành trung tâm phát triển đô thị - công nghiệp - dịch vụ hiện đại của vùng Trung du miền núi phía Bắc có hệ thống đô thị đồng bộ, thông minh, xanh, thích ứng cao với biến đổi khí hậu, văn minh, mang đậm bản sắc văn hóa. Phát triển đô thị theo mô hình TOD trên cơ sở khai thác tiềm năng của hệ thống giao thông công cộng và các khu vực là trung tâm đô thị của tỉnh.

- Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hoá đạt 39,7%, trong đó có 04 đô thị loại II và có 10 đô thị loại III.

- Đến trước năm 2045, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 59,2%, trong đó có 08 đô thị loại II và có 20 đô thị loại III.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Phú Thọ là thành phố trực thuộc Trung ương; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ hiện đại, xã hội phồn vinh, thịnh vượng; người dân có chất lượng cuộc sống cao, hạnh phúc; nền văn hóa tiên tiến, giàu bản sắc; môi trường sinh thái trong lành, đáng sống. Phấn đấu tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2050 đạt 60%.

- Hình thành vùng đô thị trung tâm ven sông Hồng, sông Lô. Phát triển vùng đô thị sinh thái tại vùng đô thị Thanh Thủy- Hòa Bình- Lương Sơn dựa trên lợi thế dòng sông Đà, cảnh quan hồ Hòa Bình và hệ thống suối khoáng. Phát triển đô thị theo TOD lấy tuyến đường sắt đô thị làm trục chính phát triển, các nhà ga đường sắt là hạt nhân, liên kết với hệ thống giao thông công cộng trên địa bàn tỉnh.

*(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo).*

##### **2. Phương án phát triển nông thôn**

Tổ chức không gian khu vực nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá và đặc thù của từng khu vực. Chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ theo mô hình nông thôn mới; xây dựng hệ thống các điểm dân cư nông thôn có quy mô phù hợp với điều kiện của từng địa bàn. Bảo đảm cân bằng quỹ đất sản xuất nông nghiệp, môi trường sinh thái theo định hướng tăng trưởng xanh, nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Bảo vệ các không gian, cảnh quan, di tích tôn giáo tín ngưỡng và các không gian có giá trị trong vùng nông thôn. Bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

## V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

### 1. Phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp và cụm công nghiệp

- Đảm bảo phát triển hạ tầng Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp một cách đồng bộ, hiện đại và bắt kịp các xu hướng quốc tế như công nghiệp sinh thái, thông minh và trí tuệ nhân tạo; là nền tảng để tỉnh Phú Thọ trở thành trung tâm công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp xanh, trung tâm logistics của vùng Thủ đô và vùng Trung du miền núi phía Bắc.

- Đến năm 2050, tỉnh Phú Thọ có 133 cụm công nghiệp và 57 khu công nghiệp. Toàn tỉnh có ít nhất 01 khu công nghiệp đạt tiêu chí khu công nghiệp sinh thái và 01 khu công nghiệp công nghệ cao; 01 cụm công nghiệp đạt tiêu chí cụm công nghiệp sinh thái.

*(Chi tiết tại Phụ lục II, III kèm theo).*

### 2. Phương án phát triển khu du lịch

- Tập trung phát triển các khu vực trọng điểm về du lịch kết hợp xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại, đồng bộ; hình thành các khu du lịch nghỉ dưỡng, chất lượng dịch vụ đạt chuẩn quốc tế; là điểm đến của du khách trong và ngoài nước.

- Định hướng phát triển 11 trung tâm du lịch trọng điểm, bao gồm:

+ 05 khu du lịch quốc gia là các hạt nhân then chốt trên các hành lang, trục động lực, gồm: Đền Hùng, Tam Đảo, Hồ Hoà Bình, Đại Lải, Vương quốc gia Xuân Sơn – Long Cốc.

+ 06 trung tâm du lịch trọng điểm là các cụm vệ tinh, phân tán dòng khách, kéo dài thời gian lưu trú và lan tỏa lợi ích tới cộng đồng, gồm: Vĩnh Yên, Thanh Thủy, Hạ Hoà – Hiền Lương, Ven sông Lô, Mai Châu – Vân Sơn, Kim Bôi.

*(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo).*

### 3. Phương án phát triển khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, dịch vụ

Không gian bảo tồn văn hóa - lịch sử của tỉnh Phú Thọ được quy hoạch dựa trên sự kết tinh của ba dòng chảy văn hóa lớn: văn hóa Đất Tổ, văn hóa Xứ Đoài và văn hóa Hòa Bình. Xác định hai trục văn hóa - tâm linh trọng điểm gắn liền với truyền thuyết "Tứ bất tử", bao gồm trục Đền Hùng – Ba Vì – Hòa Bình và trục Đền Hùng – Tam Đảo – Sóc Sơn.

### 4. Phương án phát triển hạ tầng thể dục, thể thao

- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình thể dục thể thao; các khu luyện tập thể dục thể thao phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, các quy hoạch khác có liên quan và quy định của pháp luật.

- Triển khai thu hút đầu tư các sân golf kết hợp vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng ở các địa bàn thuận lợi trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2050, toàn tỉnh có 87 sân golf.

*(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo).*

### 5. Phương án phát triển khu nghiên cứu, đào tạo

- Duy trì hoạt động của 03 trung tâm nghiên cứu và sản xuất cây giống và vật nuôi tại xã Hội Thịnh, phường Thống Nhất và phường Vân Phú (do tư nhân

đầu tư) cùng các chi nhánh sản xuất giống của các cơ sở này tại các địa bàn trên toàn tỉnh.

- Thu hút đầu tư thành lập Học viện Công nghệ bán dẫn và trí tuệ nhân tạo Phú Thọ dưới hình thức hợp tác công - tư (PPP).

### **6. Phương án phát triển khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học**

- Tập trung bảo vệ và phát triển bền vững nguồn tài nguyên sinh vật, các hệ sinh thái tự nhiên đặc biệt là hệ sinh thái rừng và hệ sinh thái nông nghiệp, bảo tồn các nguồn gen tự nhiên nguy cấp, quý, hiếm, các nguồn gen cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao. Gắn bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học với sự tham gia của cộng đồng và người dân địa phương.

- Giữ nguyên 11 khu rừng đặc dụng và khu bảo tồn hiện có, tiến hành bảo tồn rừng, trồng rừng, phục hồi rừng trên diện tích rừng đã có. Thực hiện quản lý, bảo vệ chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có; phục hồi và nâng cao chất lượng rừng để bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ động vật, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

*(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo).*

### **7. Phương án bố trí khu quân sự, an ninh**

- Xây dựng khu quân sự, khu an ninh bảo đảm thể trận quốc phòng trong khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc, các khu vực sẵn sàng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội từng khu vực, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Bố trí các khu quốc phòng, an ninh trên nguyên tắc tích hợp quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng với phát triển kinh tế - xã hội vào hệ thống quy hoạch tỉnh và các quy định về tích hợp quy hoạch của Bộ Quốc phòng, thực hiện theo các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với quy hoạch đất đai.

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ an ninh quốc phòng, tập trung xây dựng trụ sở Ban Chỉ huy quân sự, trụ sở Công an các xã, phường; hoàn thiện hạ tầng phòng cháy chữa cháy.

### **8. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung**

- Vùng trồng trọt: Phát triển các vùng sản xuất lúa tập trung, năng suất cao; Vùng sản xuất ngô; Vùng sản xuất cây ăn quả có múi; Vùng sản xuất cây ăn quả ôn đới (hồng, mận, đào); Vùng sản xuất cây ăn quả nhiệt đới (na, thanh long, dưa, ...); Vùng sản xuất chè; Vùng sản xuất chuối; Vùng sản xuất rau các loại; Vùng sản xuất mía; Vùng sản xuất sắn; Vùng sản xuất tập trung, trồng dược liệu dưới tán rừng.

- Vùng chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản: Phát triển các vùng sản xuất chăn nuôi tập trung vật nuôi chủ lực (lợn, bò sữa, bò thịt, gia cầm); vật nuôi đặc sản, đặc trưng (dê, ong mật, gà nhiều cựa, gà Lạc Sơn, gà Lạc Thủy, gà H'Mông, lợn rừng, lợn rừng lai, lợn bản địa Đà Bắc...). Phát triển vùng sản xuất giống thủy sản tập trung, vùng nuôi thủy sản trên các ao hồ nhỏ và nuôi cá lồng trên sông, hồ chứa; vùng nuôi cá nước lạnh, cá đặc sản và sản xuất giống thủy sản vùng Trung du.

- Vùng sản xuất lâm nghiệp: Phát triển vùng trồng rừng nguyên liệu; vùng trồng quế; vùng trồng luồng; vùng trồng dổi ăn hạt.

### **9. Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn**

- Thúc đẩy phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, hiệu quả; hình thành các vùng chuyên canh với quy mô hợp lý; phát triển kinh tế lâm nghiệp gắn với chế biến, khoanh nuôi, bảo vệ và phát triển rừng. Ưu tiên phát triển các điểm du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng, du lịch ở tại nhà dân (home stay) tại các vùng sâu, vùng xa, các vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn nhưng có điều kiện phù hợp về cảnh quan thiên nhiên và đặc trưng văn hóa gắn liền với sinh kế.

- Ưu tiên sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ; ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông kết nối khu vực khó khăn với các vùng phát triển kinh tế năng động của tỉnh.

## **VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

### **1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông**

#### **a) Đường bộ**

- Đường bộ quốc gia: Tuân thủ theo các định hướng của quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt để phát triển hệ thống hạ tầng giao thông của tỉnh đảm bảo đồng bộ, hiện đại, liên thông, thúc đẩy liên kết vùng, trong đó:

+ Đường cao tốc: Đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai (CT05), Cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02), Cao tốc Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên (CT.03), đường vành đai 5 - vùng Thủ đô.

+ Đường quốc lộ: QL.2, QL.2C, QL.2D, QL.32, QL.70, QL.32B, QL.32C, QL.70B, QL.6, QL.12B, QL.21, QL.21C, QL.6D, QL.32D, QL.37C, QL.15. Xây dựng một số tuyến tránh khu đô thị, khu đông dân cư trên các tuyến quốc lộ.

+ Bổ sung tuyến đường cao tốc Việt Trì - Hòa Bình kết nối cao tốc CT02-CT03 trên địa bàn Phú Thọ.

#### **- Đường địa phương:**

+ Cải tạo, nâng cấp, xây mới các tuyến đường tỉnh đạt tối thiểu cấp III, IV, nơi địa hình khó khăn đạt cấp V, đảm bảo kết nối đồng bộ giữa các địa phương trong tỉnh. Đối với những đoạn tuyến đi qua khu vực đô thị, sẽ được đầu tư theo quy hoạch xây dựng đô thị được phê duyệt. Đối với các đoạn đi qua khu dân cư tập trung, nghiên cứu quy mô, hướng tuyến theo địa hình đặc thù của khu vực.

+ Các tuyến đường liên xã: Cải tạo, nâng cấp, xây mới các tuyến đường liên xã đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp V.

+ Các tuyến đường giao thông đô thị: Cải tạo, nâng cấp, xây mới các tuyến đường giao thông đô thị đảm bảo hiện đại, đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật khác theo quy hoạch đô thị.

+ Cải tạo, nâng cấp, xây mới các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định. Tiếp tục huy động mọi nguồn lực, lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia để phát triển hạ tầng giao thông gắn với tiêu

chí xây dựng nông thôn mới.

+ Bến, bãi đỗ xe: phát triển các bến xe khách, bãi đỗ xe tại các trung tâm xã, khu vực tập trung đông dân cư đáp ứng nhu cầu thực tế của từng địa phương.

*(Chi tiết tại Phụ lục VIIa kèm theo).*

#### b) Đường sắt

- 02 tuyến đường sắt quốc gia đi qua địa bàn tỉnh, gồm: tuyến Hà Nội - Lào Cai; tuyến Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đoạn qua tỉnh chạy song song với cao tốc CT.05.

- 06 tuyến đường sắt đô thị liên vùng, gồm: tuyến Nội Bài - Ga Vĩnh Yên (Tuyến số 1); Tuyến Hà Nội - Tam Đảo (Tuyến số 2, phục vụ du lịch); tuyến Hà Nội - Hòa Bình (kết nối đường sắt đô thị số 5 Hà Nội); tuyến kết nối Vĩnh Yên – Việt Trì – Phú Thọ; tuyến kết nối từ Việt Trì đến Hòa Bình; tuyến kết nối Hòa Bình - Lương Sơn - QL.6 với tuyến đường sắt đô thị 2A Hà Nội.

- Duy trì hoạt động các nhánh tuyến đường sắt và ưu tiên đầu tư nâng cấp các ga trên tuyến.

*(Chi tiết tại Phụ lục VIIb kèm theo).*

#### c) Đường thủy nội địa và cảng

- Thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã được phê duyệt tại Quyết định số 1829/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 31 tháng 10 năm 2021; Quyết định số 1587/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17 tháng 12 năm 2024; phối hợp với Bộ Xây dựng ưu tiên cải tạo, nạo vét luồng, thanh thải đá ngầm trên các tuyến thủy nội địa sông Lô, sông Hồng, sông Đà.

- Đầu tư hệ thống cảng thủy nội địa trung ương và các cảng, bến thủy nội địa địa phương nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

*(Chi tiết tại Phụ lục VIIc kèm theo).*

e) Cảng cạn (ICD): Đến năm 2030 tỉnh Phú Thọ có 03 cảng cạn: Cảng cạn Hương Canh, Cảng cạn Hải Linh, Cảng cạn Thụy Vân. Đến năm 2050 bổ sung cảng cạn Lập Thạch và cảng cạn Cam Giá.

*(Chi tiết tại Phụ lục VIId kèm theo).*

## **2. Phương án phát triển năng lượng và mạng lưới cấp điện**

### a) Phát triển nguồn điện

Phương án phát triển nguồn điện được định hướng theo hướng đa dạng hóa cơ cấu nguồn, ưu tiên phát triển các loại hình năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và điện từ chất thải, phù hợp với yêu cầu bảo đảm an ninh năng lượng, đáp ứng nhu cầu phụ tải và mục tiêu phát triển bền vững. Việc phát triển nguồn điện được xem xét gắn với khả năng tiếp nhận của hệ thống lưới điện và hiệu quả đầu tư trong từng giai đoạn.

### b) Phát triển lưới điện

Phương án phát triển lưới điện tập trung tăng cường năng lực truyền tải, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng cao, đặc biệt tại các khu công nghiệp, khu đô thị và các khu vực phát triển trọng điểm; đồng thời

bảo đảm đồng bộ với quy hoạch phát triển nguồn điện.

+ Lưới điện 500 kV: đầu tư xây dựng mới, cải tạo và nâng công suất các trạm biến áp, đường dây truyền tải nhằm hình thành các điểm nút truyền tải quan trọng và tăng cường khả năng liên kết, truyền tải của hệ thống điện.

+ Lưới điện 220 kV: phát triển hệ thống trạm biến áp và đường dây đầu nối để tăng cường khả năng tiếp nhận công suất, giảm tải cho lưới hiện hữu và nâng cao khả năng liên kết khu vực.

+ Lưới điện 110 kV: đầu tư xây dựng mới, cải tạo và nâng công suất các trạm biến áp, đường dây nhằm đáp ứng trực tiếp nhu cầu cấp điện cho phụ tải công nghiệp, đô thị và dịch vụ.

+ Lưới điện trung thế: được quy hoạch mở rộng, cải tạo đồng bộ với lưới điện 110 kV và lưới phân phối, bảo đảm cung cấp điện an toàn, liên tục và hiệu quả.

*(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo).*

### **3. Phương án phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông**

- Phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông được xác định là đột phá chiến lược nhằm hiện đại hóa hạ tầng số và thúc đẩy kinh tế số. Định hướng tỉnh Phú Thọ trở thành trung tâm dữ liệu và bu chính của vùng Trung du miền núi phía Bắc thông qua việc thu hút đầu tư xây dựng một Trung tâm dữ liệu đa mục tiêu tiêu chuẩn quốc tế (Tier III) và một Trung tâm Bưu chính vùng.

- Phát triển hạ tầng số để thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số, công dân số; hạ tầng viễn thông phát triển theo hướng thông minh, xanh và tăng cường dùng chung hạ tầng hoặc ngầm hóa tạo nền tảng vững chắc để Phú Thọ bứt phá trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Ưu tiên chuyển dịch từ gia công sang nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm "Made in Viet Nam", đặc biệt là trong các lĩnh vực tiên phong như thiết kế chip bán dẫn và trí tuệ nhân tạo; ứng dụng mã địa chỉ số (Vpostcode) và đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

*(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo).*

### **4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước**

#### **a) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi**

- Phát triển mạng lưới thủy lợi đảm bảo cấp nước tưới, tiêu, thoát nước cho nông nghiệp, dân sinh, các ngành kinh tế; chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Cải tạo, nâng cấp, xây mới các hồ, đập lớn, vừa và nhỏ phục vụ đa mục tiêu; xây mới các hồ chứa nước, các đập dâng nước tại các địa điểm phù hợp trên địa bàn tỉnh; cải tạo, nâng cấp và xây mới các trạm bơm tưới, tiêu; nâng cấp, kiên cố các tuyến kênh trên địa bàn tỉnh. Cải tạo, nạo vét khơi thông và kiên cố một số luồng tiêu trên địa bàn tỉnh; cải tạo, nâng cấp, xây mới các cống, ngầm, tràn, điều tiết trên các tuyến kênh, luồng tiêu, suối, sông trên địa bàn tỉnh.

*(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo).*

#### **b) Phương án cấp nước cho các khu vực**

- Cấp nước đô thị và công nghiệp: Nâng cấp và xây mới các nhà máy cấp nước; hoàn thiện đầu tư các hạ tầng cấp nước khác như trạm bơm, các tuyến ống

cấp nước từ trạm bơm đường ống dẫn chuyển nước. Đảm bảo cấp nước sạch cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các đô thị.

- Cấp nước nông thôn: Nâng cấp, sửa chữa và đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn; nâng cao chất lượng nước sinh hoạt nông thôn. Đầu tư nâng cấp đối với các công trình hiện có đang hoạt động tốt, công suất lớn, có chất lượng nguồn nước đảm bảo.

*(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo).*

c) Phương án thoát nước

- Đảm bảo không có điểm ngập úng cục bộ tại khu vực trung tâm xã, các khu đông dân cư.

- Khu vực nông thôn: Thoát nước theo địa hình thực tế của khu dân cư, thoát ra hệ thống kênh, mương, ao, hồ của địa phương.

- Khu vực đô thị: Nước được chia thành các lưu vực thoát, bảo đảm thoát nhanh và triệt để.

**5. Phương án phát triển hạ tầng xử lý chất thải, nghĩa trang**

a) Khu xử lý chất thải rắn

- Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cao năng lực tiếp nhận, xử lý của các khu xử lý chất thải, rác thải và bãi rác. Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động thu gom, xử lý chất thải. Thu hút đầu tư các nhà máy điện rác gắn với các khu xử lý.

- Xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn công nghiệp, chất thải rắn nguy hại tại các khu công nghiệp.

*(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo).*

b) Khu xử lý nước thải

Xây dựng các hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại các khu đô thị và khu dân cư tập trung. Từng bước tách riêng hệ thống thu nước thải với hệ thống thu nước mưa. Các cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các cơ sở y tế phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải, bảo đảm đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Xây dựng các hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống thoát nước tại các vị trí phù hợp.

c) Khu nghĩa trang

- Đóng cửa các nghĩa trang đã lấp đầy diện tích hoặc nằm xen kẹt trong khu dân cư không đảm bảo khoảng cách vệ sinh. Sau khi hết thời hạn cải táng, chuyển đổi công năng các khu vực này thành công viên cây xanh hoặc vùng đệm cảnh quan đô thị. Di dời các khu mộ nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng dự án trọng điểm hoặc vùng có nguy cơ sạt lở. Hạn chế tối đa mở rộng diện tích đất hung táng tại các nghĩa trang nhân dân hiện hữu. Ưu tiên xây dựng tại các vùng đồi gò, xa khu dân cư, có quỹ đất lớn để tiếp nhận mộ phần di dời từ đô thị.

- Xây dựng mới nghĩa trang, cơ sở hỏa táng tập trung; xây dựng nhà tang lễ tại các đô thị phù hợp với phân loại đô thị. Cải tạo, tiếp tục sử dụng các nghĩa trang chưa lấp đầy.

*(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo).*

## **6. Phương án phát triển phòng cháy chữa cháy**

- Xây dựng mạng lưới trụ sở, doanh trại của lực lượng cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bảo đảm đủ điều kiện đáp ứng công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất phục vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bảo đảm tuân thủ theo quy định.

## **VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI**

### **1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế**

- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe người dân. Nâng cấp quy mô giường bệnh của các cơ sở y tế. Đầu tư xây dựng hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật đồng bộ, đủ năng lực dự báo, kiểm soát dịch bệnh. Nâng cấp Trung tâm Kiểm nghiệm để trở thành đơn vị kiểm soát chất lượng thuốc và thực phẩm của cả vùng.

- Khuyến khích thu hút đầu tư xây dựng mới các cơ sở y tế ngoài công lập chất lượng cao, đặc biệt là các mô hình kết hợp nghỉ dưỡng – phục hồi chức năng; đầu tư phát triển chế biến, trồng nguyên dược liệu.

*(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo).*

### **2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đào tạo**

- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp, mua sắm trang thiết bị cho các cơ sở giáo dục các cấp theo hướng chuẩn hóa, hiện đại. Nghiên cứu, thành lập mới một số trường trung học phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở, trung tâm nghiên cứu đầu tư xây dựng tại tỉnh để tiến tới hình thành khu đô thị đại học theo Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương; tập trung đẩy nhanh phát triển hệ thống trường học mầm non, phổ thông tư thục ở địa bàn các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu đô thị mới.

*(Chi tiết tại Phụ lục XV kèm theo).*

### **3. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

- Tiếp tục đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trong đó ưu tiên đầu tư phát triển các trường cao đẳng thành trường chất lượng cao, các trường đào tạo nghề trọng điểm để thực hiện đào tạo lực lượng lao động có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của địa phương và xuất khẩu lao động.

- Khuyến khích thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập đào tạo đa ngành nghề phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế của tỉnh.

*(Chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo)*

### **4. Phương án phát triển hạ tầng an sinh xã hội, bảo trợ xã hội**

- Tiếp tục đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các cơ sở an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo cơ bản điều kiện chăm sóc, trợ giúp cho người

cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người tâm thần, người nghiện ma túy và đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp.

- Khuyến khích kêu gọi các nguồn lực xã hội hóa để đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất các trung tâm trợ giúp xã hội hiện có và thành lập mới các trung tâm trợ giúp xã hội ngoài công lập trên địa bàn tỉnh. Hình thành mới các Trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập; Thành lập các Trung tâm Lão khoa; khuyến khích tư nhân đầu tư các viện dưỡng lão.

*(Chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo).*

## **5. Phương án phát triển thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch**

- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các thiết chế văn hoá, thể thao các cấp trên địa bàn tỉnh; đầu tư xây dựng đồng bộ các thiết chế văn hoá, thể thao phục vụ người lao động tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Hoàn thiện các công trình văn hóa trọng điểm, đặc biệt là các thiết chế mang tính biểu tượng, phục vụ nhu cầu tâm linh, văn hóa và giáo dục truyền thống.

- Tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử, di tích được xếp hạng trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư xây dựng mới các công trình thể thao trọng điểm cấp tỉnh. Đầu tư xây dựng Khu liên hợp thể dục thể thao tầm cỡ quốc gia, đủ điều kiện tổ chức các giải đấu chuyên nghiệp trong nước và khu vực;

- Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp hạ tầng các khu du lịch trên địa bàn tỉnh;

- Khuyến khích thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực văn hoá, thể thao và du lịch.

*(Chi tiết tại Phụ lục XVIII, XIX kèm theo).*

## **6. Phương án phát triển hạ tầng thương mại, logistics**

### **a) Kết cấu hạ tầng thương mại**

- Phát triển hạ tầng thương mại và dịch vụ theo mô hình mạng lưới đa tầng, đồng bộ và hiện đại, nhằm đưa tỉnh Phú Thọ trở thành trung tâm phát triển thương mại và logistics chất lượng cao của vùng và cả nước.

- Phát triển đồng bộ mạng lưới chợ truyền thống trên địa bàn toàn tỉnh với quy mô, cơ cấu, tính chất và công năng phù hợp với nhu cầu của từng địa phương và khu vực lân cận. Bố trí ít nhất 01 chợ hạng I tại các phường và chợ hạng II tại các xã có vị trí thuận lợi; khuyến khích hình thành các chợ văn hóa, chợ du lịch và chợ đêm tại các trung tâm du lịch lớn như Tam Đảo, Đền Hùng, Đại Lải, Kim Bôi... Phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị với nhiều cấp độ, quy mô và loại hình phù hợp với nhu cầu phát triển của tỉnh. Các trung tâm thương mại hạng I và siêu thị hạng I sẽ tập trung tại các đô thị lớn, các phường trung tâm và các khu công nghiệp trọng điểm.

- Hình thành Trung tâm mua sắm (Outlet Center) tại Việt Trì; định hướng phát triển Khu thương mại tự do (FTZ) tại khu vực Bình Xuyên - Yên Lạc (cũ).

*(Chi tiết tại Phụ lục XXa, XXb, XXc, XXd kèm theo).*

### **b) Trung tâm logistics**

Xây dựng các trung tâm logistics tại các khu vực phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

*(Chi tiết tại Phụ lục XXe kèm theo).*

## **7. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ**

Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị của các tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ. Nghiên cứu, xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, các cơ sở nghiên cứu và phát triển, khoa học và công nghệ phục vụ chuyển đổi số.

## **VIII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ PHÂN VÙNG ĐẤT ĐAI**

Đến năm 2030, tổng diện tích tự nhiên là 934.670 ha, trong đó: nhóm đất nông nghiệp 680.820 ha, chiếm 72,84% tổng diện tích tự nhiên; nhóm đất phi nông nghiệp 247.531 ha, chiếm 26,48% tổng diện tích tự nhiên; nhóm đất chưa sử dụng 6.319 ha, chiếm 0,68% tổng diện tích tự nhiên.

*(Chi tiết tại Phụ lục XXI đính kèm).*

## **IX. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

### **1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh**

#### a) Về phân vùng bảo vệ môi trường

Vùng bảo vệ môi trường được phân thành các vùng theo yếu tố nhạy cảm về môi trường là vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt (Vùng B): Bao gồm khu dân cư tập trung tại nội thành/nội thị của các đô thị loại II; nguồn nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; vùng lõi các khu bảo tồn thiên nhiên và khu vực bảo vệ 1 của các di tích lịch sử - văn hóa.

- Vùng hạn chế phát thải (Vùng H): Bao gồm vùng đệm của các khu bảo tồn và di tích; các vùng đất ngập nước quan trọng; hành lang bảo vệ nguồn nước sinh hoạt; nội thành/nội thị các đô thị loại III; và các khu vui chơi giải trí dưới nước.

- Vùng khác (Vùng K): Là các khu vực còn lại trên địa bàn tỉnh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tổng hợp trên cơ sở đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về đánh giá tác động môi trường và giấy phép môi trường cho các dự án đầu tư mới.

#### b) Về bảo tồn đa dạng sinh học

- Tăng cường các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học nhằm giảm thiểu tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, các loài động vật hoang dã, các giống cây trồng, vật nuôi nguy cấp, quý, hiếm. Kiểm soát và giảm thiểu các mối đe dọa đến đa dạng sinh học; nâng cao độ che phủ rừng, phòng ngừa, ngăn chặn xâm hại rừng và khai thác trái phép.

- Xây dựng các cơ sở chuyên biệt như Vườn sưu tập cây thuốc, Trung tâm cứu hộ sinh vật tại Xuân Sơn.

- Tập trung rà soát và bảo vệ hành lang đa dạng sinh học tại khu vực Hòa Bình cũ để kết nối các hệ sinh thái và duy trì tuyến di cư tự nhiên của các loài động vật quý hiếm.

#### c) Quan trắc chất lượng môi trường

Xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường định kỳ và tự động với hệ thống

trang thiết bị đạt chuẩn, hiện đại, phù hợp mạng lưới quan trắc môi trường quốc gia cho từng loại môi trường: nước, không khí, đa dạng sinh học. Phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành mạng lưới quan trắc đồng bộ, hiện đại và liên thông dữ liệu quốc gia.

## **2. Phương án quản lý về địa chất, khoáng sản**

a) Khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản nhóm I và II (tích hợp quy hoạch Quốc gia và khoáng định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường):

- Tiếp tục thăm dò, khai thác tại các khu vực đã có giấy phép vẫn còn thời hạn, đang hoạt động.

- Quy hoạch các vị trí thăm dò, khai thác khoáng sản nhóm I, nhóm II tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tiếp tục thăm dò, khai thác các khu vực khoáng sản nhóm I, II có quy mô phân tán, nhỏ lẻ được Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoáng định.

b) Khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản nhóm III:

- Tiếp tục thăm dò, khai thác các khu vực đã có giấy phép vẫn còn thời hạn, đang hoạt động: Tổng cộng 170 mỏ.

- Quy hoạch các vị trí thăm dò, khai thác khoáng sản nhóm III (chưa được cấp phép), gồm: 255 khu vực đã nằm trong quy hoạch 03 tỉnh trước sáp nhập sẽ tiếp tục thăm dò và khai thác trong giai đoạn 2026-2030; bổ sung 84 khu vực, diêm khai thác.

- Đối với nước khoáng, nước khoáng nóng:

+ Khu vực đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: 17 điểm.

+ Khu vực bổ sung để phục vụ công tác điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho người có công và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: 04 điểm.

c) Khu vực khai thác khoáng sản nhóm IV (Đất san lấp)

- Tiếp tục quy hoạch khai thác 09 điểm mỏ còn hiệu lực.

- Tổng hợp danh sách các khu vực gợi ý để tiếp tục thăm dò, khai thác khoáng sản nhóm IV trên địa bàn tỉnh: 259 khu vực.

d) Phương án điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản nhóm III, nhóm IV

UBND tỉnh Phú Thọ thực hiện điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản nhóm III, nhóm IV theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 14 Luật Địa chất và Khoáng sản.

*(Chi tiết tại Phụ lục XXII kèm theo).*

### **3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra**

#### a) Phân bổ tài nguyên nước

- Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng theo thứ tự: (1) đảm bảo đủ nước sử dụng cho sinh hoạt cả về số lượng và chất lượng; (2) đảm bảo dòng chảy tối thiểu cho môi trường để duy trì hệ sinh thái thủy sinh trên các sông chính của từng khu vùng nước; (3) đảm bảo yêu cầu nước cho phát triển công nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp có đóng góp giá trị kinh tế lớn cho tỉnh; (4) đảm bảo cung cấp nước cho ngành nông nghiệp (bao gồm chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản).

- Nguồn nước dự phòng, đảm bảo cấp nước sinh hoạt trong trường hợp thiếu nước và sự cố môi trường.

- Nguồn nước bổ sung từ các thủy điện

- Nguồn nước bổ sung từ các hồ chứa thủy lợi, công trình thủy lợi.

- Nguồn nước bổ sung từ nước dưới đất.

#### b) Bảo vệ tài nguyên nước

- Khai thác hiệu quả, ổn định, lâu dài nguồn nước mặt, nước dưới đất; bảo đảm cân đối, đáp ứng hài hoà nhu cầu cấp nước trên phạm vi toàn tỉnh và từng vùng; tăng cường bảo vệ chất lượng nguồn nước, xây dựng các hồ chứa điều tiết nguồn nước, xây dựng các công trình khai thác lấy nước mặt nhằm đáp ứng cho các nhu cầu sử dụng nước và duy trì dòng chảy tối thiểu; tiến hành xây dựng các hồ chứa thủy lợi theo quy hoạch; đẩy mạnh việc xây dựng các trạm xử lý nước thải; đẩy mạnh trồng và nâng cao độ che phủ rừng, sử dụng hợp lý tài nguyên đất nhằm điều hòa nguồn nước, giảm lũ, tăng lưu lượng mùa kiệt.

- Tăng cường đầu tư, nâng cấp, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, đảm bảo an ninh nguồn nước, chủ động nguồn nước và cung cấp đủ cho các ngành, lĩnh vực: Sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp, năng lượng, giao thông và các ngành sử dụng tài nguyên nước khác. Tăng cường các biện pháp quản lý, chống thất thoát, lãng phí tài nguyên nước từ các công trình khai thác sử dụng nước, đặc biệt là các công trình thủy lợi và cấp nước tập trung; hạn chế đến mức thấp nhất việc khai thác quá ngưỡng giới hạn dòng chảy tối thiểu trên sông, quá giới hạn độ sâu mực nước cho phép đối với tầng chứa nước, đặc biệt là hạn chế các nguy cơ ô nhiễm, suy giảm nguồn nước mặt, nước dưới đất.

#### c) Phòng, chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra

- Phòng chống, khắc phục hậu quả của mưa lũ: Lập tiêu chuẩn phòng, chống lũ lụt cho từng vùng của lưu vực các con sông trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và xây dựng kế hoạch chuẩn bị lực lượng, vật tư, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác để xử lý khi lũ lụt xảy ra; tổ chức quan trắc, dự báo và thông báo kịp thời về mưa, lũ trong địa bàn tỉnh; xây dựng, vận hành hồ chứa nước đảm bảo an toàn công trình, phòng, chống lũ lụt cho những vùng xung quanh; xây dựng các phương án khắc phục hậu quả của mưa lũ, sạt lở đất ảnh hưởng đến người dân và các công trình giao thông, trường học,...

- Phòng chống, khắc phục hậu quả hạn hán vào mùa khô: Hỗ trợ xây dựng các

công trình thủy lợi ở các vùng thường xuyên xảy ra hạn hán để có nguồn nước cho sinh hoạt, sản xuất và phòng, chống cháy rừng; tổ chức quan trắc và cung cấp kịp thời thông tin, dự báo về khí tượng thủy văn để phục vụ phòng, chống hạn hán.

#### **4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu**

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng chống đối với từng loại thiên tai

- Vùng ảnh hưởng bởi bão, áp thấp nhiệt đới và nắng nóng: Phạm vi ảnh hưởng rủi ro được xác định trên toàn tỉnh.

- Vùng ảnh hưởng bởi mưa lớn, dông lốc và sét: Ảnh hưởng trên diện rộng toàn tỉnh, đặc biệt tại các xã như Hạ Hòa, Yên Lập, Tam Đảo và Lạc Thủy.

- Vùng ảnh hưởng bởi lũ quét: Tập trung tại các hệ thống lưu vực sông Búra, ngòi Me, ngòi Ruồn, ngòi Rượu, ngòi Lao, ngòi Hiêng, ngòi Mỹ, ngòi Lạt, suối Ròng, ngòi Mạn Lạn, ngòi Giành, sông Bôi, sông Bưởi và các chi lưu nhỏ của sông Đà, sông Phó Đáy, sông Cà Lò.

- Vùng ảnh hưởng bởi sạt lở đất: xảy ra cục bộ tại các vùng đồi núi có địa chất yếu khi mưa lớn, trọng điểm tại các xã: Long Cốc, Xuân Đài, Minh Đài, Lai Đồng, Thu Cúc, Trung Sơn, Khả Cửu, Võ Miếu, Cự Đồng, Tu Vũ, Đức Nhân, Tân Pheo, Quy Đức, Tân Mai, Pà Cò, Mai Châu, Bao La, Mai Hạ, Vân Sơn, Toàn Thắng, Ngọc Sơn, Yên Thủy, Lạc Thủy, Đại Đồng, Cao Dương, An Nghĩa, Tam Đảo.

- Vùng ảnh hưởng bởi lũ sông: các địa phương dọc tuyến sông Đà, Thao, Lô, Búra, Chảy, Bôi, Bưởi, Phó Đáy, Cà Lò.

- Vùng ảnh hưởng bởi ngập lụt:

+ Do lũ sông (vùng ngoài đê): Các xã Hiền Lương, Đan Thượng, Hạ Hòa, Vĩnh Chân, Văn Lang, Tiên Lương, Cẩm Khê, Hoàng Cương, Chi Tiên, Hiền Quan, Sông Lô, Sơn Đông, Cao Dương.

+ Do mưa lớn (vùng trũng thấp): Các khu vực thuộc xã/phường: Việt Trì, Lập Thạch, Tam Sơn, Yên Lập, Tam Nông, Bản Nguyên, Phùng Nguyên, Lâm Sơn, Cao Dương, Lạc Thủy, Yên Thủy, Yên Trị, An Bình, An Nghĩa, Hợp Kim.

- Vùng ảnh hưởng bởi hạn hán, thiếu nước: rủi ro cao tại các xã: Đào Xá, Tu Vũ, Hiền Lương, Đan Thượng, Lai Đồng, Xuân Đài, Sơn Lương, Tiên Lương, Trung Sơn, Xuân Viên, Mỹ Lung, Mỹ Lương, Trung Sơn, Xuân An, Yên Lập, Quảng Yên, Thanh Ba, Ca Đình, Tây Cốc, Tiêu Sơn, Chân Mộng, Mai Châu, Đà Bắc, Tân Pheo, Tân Mai, Pà Cò, Bao La, Mai Hạ, Vân Sơn.

- Vùng ảnh hưởng bởi rét đậm, rét hại và sương mù: nghiêm trọng nhất tại các xã vùng núi cao: Tam Đảo, Mai Châu, Pà Cò, Bao La, Mai Hạ, Thu Cúc, Lai Đồng, Xuân Đài, Minh Đài, Võ Miếu, Long Cốc, Văn Miếu, Khả Cửu.

- Vùng ảnh hưởng bởi cháy rừng tự nhiên tại các xã: Tam Đảo, Long Cốc, Xuân Đài, Minh Đài, Mai Châu, Đà Bắc, Tân Pheo, Tân Mai, Pà Cò, Vân Sơn, Tân Sơn

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu

- Thực hiện nguyên tắc lấy phòng ngừa là chính, bảo vệ an toàn tính mạng

người dân và tài sản nhà nước là ưu tiên cao nhất. Thực hiện phương châm "Bốn tại chỗ" (chỉ huy, lực lượng, phương tiện, vật tư và hậu cần tại chỗ) và nguyên tắc "phòng ngừa chủ động, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương". Nâng cao năng lực cộng đồng: Phát triển các mô hình thích ứng dựa vào hệ sinh thái và cộng đồng; bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng để tăng khả năng phòng hộ và giữ nước.

- Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn để dự báo, giám sát thiên tai; cải tạo hạ tầng giao thông, năng lượng, y tế để tăng khả năng chống chịu với các hiện tượng thời tiết cực đoan.

- Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình tiêu úng đảm bảo đồng bộ; cải tạo nâng cấp hệ thống hồ, đập; cải tạo, nâng cấp hệ thống tưới, tiêu, thủy lợi; tu bổ, nâng cấp hệ thống đê điều; lồng ghép phòng chống thiên tai kết hợp phát triển kinh tế, xã hội.

### **5. Phương án phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều và kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai**

a) Phân vùng bảo vệ, tuyến phòng lũ: Vùng bảo vệ chống lũ là các vùng có đê bảo vệ và các vùng có dân sinh và cơ sở hạ tầng phát triển đặc biệt quan trọng, được phân thành các vùng theo các tuyến đê.

- Xây mới, cải tạo, nâng cấp các tuyến đê đảm bảo an toàn chống lũ, kết hợp giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đối với các tuyến đê bồi, đê nội đồng giữ nguyên hiện trạng cao trình các tuyến đê; chỉ cải tạo mở rộng, cứng hóa mặt đê kết hợp giao thông.

- Đầu tư, nâng cấp các công trình di dân, tái định cư vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai; các công trình đo đạc, quan trắc, giám sát cảnh báo sớm thiên tai.

b) Về tần suất phòng chống lũ: Các tiêu chuẩn về tần suất lũ thiết kế, mực nước lũ thiết kế, lưu lượng lũ thiết kế, không gian thoát lũ và quản lý khai thác, sử dụng bãi sông tuân thủ theo các quy định hiện hành và các quy hoạch có liên quan.

c) Về dân cư vùng bãi sông:

- Tiếp tục tồn tại và bảo vệ 140 khu dân cư hiện có; trong đó: 71 khu dân cư phù hợp với Phụ lục III, Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ và 69 khu dân cư chưa có trong Phụ lục III, Quyết định số 257/QĐ-TTg nhưng đáp ứng một trong 4 tiêu chí tại Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 257/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với các khu dân cư còn lại tiếp tục rà soát để đảm bảo theo Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18 tháng 2 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 257/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

d) Về khai thác, sử dụng bãi sông:

- Nghiên cứu triển khai cụ thể hóa quy hoạch đối với 17 khu vực bãi sông bên ngoài đê được phép khai thác sử dụng cho mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Phú Thọ như: dịch vụ, du lịch, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phòng

chống lũ, quy định bảo vệ đê điều, tuân thủ theo Quyết định số 257/QĐ-TTg ngày 18/2/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 21/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 257/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Các khu vực bãi sông được đề xuất nghiên cứu xây dựng công trình, nhà ở và các hoạt động tôn cao bãi sông (nếu có) phục vụ phát triển kinh tế xã hội có tổng với diện tích xây dựng không quá 5% tổng diện tích khu vực nghiên cứu khai thác gồm: (i) Bãi sông nằm trên tuyến sông Lô; (ii) Bãi sông nằm trên tuyến sông Thao, sông Hồng; (ii) Bãi sông nằm trên tuyến sông Đà.

- Cải tạo các bãi sông nhằm tăng khả năng thoát lũ; xây dựng hệ thống quan trắc, nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo mưa lũ; xây dựng phương án ứng phó với trường hợp lũ vượt tần suất thiết kế. Quản lý chặt chẽ việc khai thác cát, sỏi lòng sông, vật liệu trên bãi sông, nạo vét, chỉnh trị luồng vận tải thủy.

- Việc cụ thể hóa các khu vực khai thác bãi sông sẽ được khảo sát, đánh giá khoan định chi tiết và cụ thể sẽ được thực hiện trong giai đoạn tiếp theo, thuộc các quy hoạch đô thị, nông thôn.

d) **Củng cố, nâng cấp, kiên cố hóa đê điều**

- Cấm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ đê điều, chỉ giới các khu vực dân cư tập trung hiện có được tồn tại, các khu vực bãi sông được phép nghiên cứu xây dựng. Xây dựng, củng cố, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi. Đầu tư, nâng cấp công trình xây dựng có xem xét đến phòng, chống thiên tai; công trình giao thông kết hợp phòng, chống thiên tai; lắp đặt bổ sung các công trình đo đạc khí tượng thủy văn, giám sát và cảnh báo thiên tai. Nâng cao hiệu quả quản lý, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các đơn vị quản lý đê điều.

- Các tuyến đê đều đã đảm bảo cao trình chống lũ thiết kế do đó giữ nguyên cao trình các tuyến đê hiện trạng. Tu bổ, nâng cấp, nối dài các cống dưới đê; xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các tuyến kè bảo vệ đê, bảo vệ bờ và khu dân cư ngoài bãi sông; di dời các công trình trong hành lang bảo vệ đê điều.

*(Chi tiết tại Phụ lục XXIII kèm theo).*

## **X. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH**

### **1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư**

Tập trung đẩy mạnh huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực chủ lực, dự án tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích hình thức đầu tư đối tác công tư (PPP) và hình thức đầu tư khác, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để huy động nguồn vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

### **2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực**

a) Thực hiện các chương trình, dự án phát triển đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh như: Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng, chương trình nâng cao chất lượng đào tạo nghề, chương trình đào tạo nguồn nhân lực cho cơ quan quản lý nhà nước; xây dựng Đề án việc làm trong bối cảnh cuộc cách

mạng Công nghiệp lần thứ tư.

b) Tăng cường liên kết các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp trong đào tạo nghề nghiệp; triển khai đào tạo nghề nghiệp theo hình thức đặt hàng; hỗ trợ đào tạo doanh nhân; tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; thu hút nhân tài, chuyên gia nghiên cứu, nguồn nhân lực chất lượng cao về công tác tại tỉnh.

c) Phát triển nguồn nhân lực gắn liền với phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp trong giai đoạn quy hoạch, bên cạnh việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

### **3. Giải pháp về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và bảo vệ môi trường**

a) Về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo

Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ mục tiêu phát triển các lĩnh vực theo xu thế cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, quá trình chuyển đổi số. Thực hiện tốt các chính sách khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu phát triển của các tổ chức, cá nhân nghiên cứu ứng dụng đổi mới công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, thúc đẩy nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh; phát triển các sản phẩm có tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ phát triển trong giai đoạn mới.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số cho một số ngành lĩnh vực quan trọng như: nông nghiệp, sản phẩm OCOP, trái cây, thủy sản, sản xuất công nghiệp, các lĩnh vực xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

Ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù để thu hút các tập đoàn công nghệ lớn (Big Tech) đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy mô hình hợp tác “Ba nhà” (Nhà nước - Nhà trường - Nhà doanh nghiệp) trong đào tạo nhân lực công nghệ.

Xây dựng chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, trọng tâm là phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số; tập trung xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng thành phố thông minh; đẩy nhanh việc thanh toán không dùng tiền mặt, quan trắc môi trường tự động, hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử.

b) Về môi trường

Tăng cường năng lực của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư, nhất là đầu tư xử lý chất thải, nước thải, xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường. Thực hiện phân công, phân cấp rõ chức năng, nhiệm vụ bảo vệ môi trường giữa các cấp, ngành, các địa phương.

### **4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển**

a) Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã

hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi phía Bắc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; các chương trình, nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội, các ngành, lĩnh vực.

b) Rà soát, nghiên cứu ban hành hệ thống cơ chế chính sách đồng bộ, nhằm huy động tối đa nguồn lực, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh Phú Thọ. Đẩy mạnh liên kết hợp tác với các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhất là các địa phương trong khu vực như: đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông cấp vùng kết nối các đô thị, trung tâm du lịch và khu công nghiệp của tỉnh; trao đổi thông tin về quy hoạch, chiến lược phát triển, phối hợp tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư với các địa phương trong cả nước.

c) Tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác mới với các tỉnh, thành phố của các nước có nhiều điểm tương đồng với tỉnh Phú Thọ, có tiềm năng, thế mạnh trong việc hợp tác phát triển kinh tế, chuyển giao công nghệ, giao lưu văn hóa; thiết lập các tuyến thương mại quốc tế giữa tỉnh Phú Thọ và các thị trường xuất khẩu quan trọng.

### **5. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn**

a) Đẩy mạnh đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống đô thị và quản lý đô thị thông minh. Xây dựng và hoàn thiện các quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị ở các khu vực trung tâm, khu đô thị mới, đặc biệt là các trục giao thông mới.

b) Chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn, tăng cường xã hội hóa đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng. Tổ chức thực hiện tốt việc định hướng phân khu chức năng ở các khu vực đô thị và nông thôn để người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin và giám sát việc thực hiện. Quản lý tốt các hồ, đập phục vụ công tác điều tiết nước và bảo đảm môi trường sinh thái.

### **6. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện điều chỉnh quy hoạch**

a) Tổ chức công bố công khai điều chỉnh quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong triển khai thực hiện.

b) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch chung và các quy hoạch khác theo quy định của pháp về quy hoạch, đảm bảo đồng bộ.

c) Thường xuyên cập nhật, cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành kế hoạch 5 năm và hàng năm. Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai thực hiện, định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định; cơ quan lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh có trách nhiệm kịp thời tham mưu, đề xuất cập nhật, điều chỉnh các nội dung xung đột, chưa phù hợp với quy hoạch cấp trên.

## **XI. DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH**

Chi tiết danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 tại Phụ lục XXIV kèm theo.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh được phê duyệt là cơ sở, căn cứ để triển khai các quy hoạch đô thị, nông thôn, thủ tục đầu tư dự án có liên quan trên

địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc triển khai các quy hoạch, các công trình, dự án đầu tư xây dựng phải đảm bảo các quy hoạch, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chuyên ngành có liên quan, đồng thời cần đánh giá đầy đủ, toàn diện trước khi triển khai thực hiện, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật có liên quan.

**2. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, UBND các phường, xã và các cơ quan, đơn vị liên quan**

a) Sở Tài chính:

- Tham mưu tổ chức công bố, công khai nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch; lưu trữ Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh kèm theo Quyết định phê duyệt sau khi được bàn giao.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đảm bảo tuân thủ đúng quy định, quy hoạch cấp trên, thống nhất với nội dung của Quyết định này; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu trong Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi đã rà soát, hoàn thiện; bàn giao, lưu trữ hồ sơ Quy hoạch tỉnh kèm theo Quyết định phê duyệt.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các nội dung tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với các ý kiến thẩm định, rà soát, tham gia của các bộ, ngành, địa phương, hội đồng thẩm định, tổ chức, cá nhân có liên quan; các phụ lục được ban hành kèm theo Quyết định này bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan; thực hiện nghiêm túc và các quy định của pháp luật có liên quan, kịp thời phát hiện, rà soát, đề xuất điều chỉnh các nội dung không phù hợp.

b) Sở Xây dựng tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

c) UBND các phường, xã và các cơ quan đơn vị liên quan rà soát, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

d) Các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, UBND các phường, xã và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm thường xuyên rà soát Quy hoạch tỉnh để kịp thời đề xuất điều chỉnh cho phù hợp;

Các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực được giao quản lý trong hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

e) Các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các phường, xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (b/c);
  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (b/c);
  - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
  - BTV, TTTU Phú Thọ (b/c);
  - HĐND tỉnh (b/c);
  - Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
  - Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
  - Ủy ban MTTQ tỉnh;
  - Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
  - Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
  - Các cơ quan ngành dọc TW đóng trên địa bàn tỉnh;
  - UBND các phường, xã;
  - CPVP UBND tỉnh;
  - CVNCTH;
  - TTTTCB (dăng tải);
  - Lưu: VT, KT12.
- (H- b) *HLS*

**CHỦ TỊCH**

**Trần Duy Đông**